TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 30-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm

Bà Phan Thị Ngọc Mai

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Mùi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST - HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Thị Y, sinh năm 1964 tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị U; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn Đ và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị L; bị cáo có vợ tên Đặng Thị Y và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại*: Bà Cao Thị Hồng G, sinh năm 1983; Thường trú: Ấp Vi, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; Thường trú: Ấp 1A, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1992; Thường trú: Ấp 1A, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Hoàng M, sinh năm 1986; Thường trú: Ấp Vi, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1984; Thường trú: Ấp C, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 10/01/2018, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 61P1-2566 chở vợ là Đặng Thị Y đến cơ sở massage Newgene thuộc khu phố 1, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để dùng thử ghế massage chăm sóc sức khoẻ. Khi ngồi vào ghế massage có gắn số thứ tự 10, Y phát hiện trong hộc bàn của ghế massage có một cái ví cầm tay màu đen của chị Cao Thị Hồng G bỏ quên trước đó nên nảy ý định chiếm đoạt. Y lén lút lấy cái ví cầm tay của chị G bỏ vào túi xách của Y. Sau khi về đến nhà, Y kể cho Đ nghe việc Y lấy trộm cái ví tại cơ sở massage rồi cùng Đ kiểm tra tài sản trong ví có 32.100.000 đồng, 01 tờ tiền dollar Australia mệnh giá 100 dolla và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng hồng. Lúc này, do điện thoại có người gọi đến nhiều lần nên Y nhờ Nguyễn Thị Ngọc A là con của Y tắt nguồn điện thoại giúpY. Sau đó, Y giấu số tiền 32.100.000 đồng vào túi áo khoác của Đ đang treo trong tủ quần áo, giấu 01 tờ tiền Australia vào tủ chén của gia đình, riêng cái ví và chiếc điện thoại Đ đem ra bụi chuối ngoài vườn cao su phía sau nhà cất giấu. Sau khi phát hiện mất tài sản, chị Cao Thị Hồng G đến Công an thị trấn P trình báo sự việc, Công an thị trấn P đã mời Đ, Y đến làm việc. Qua làm việc, Y, Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Giáo, kết luận giá trị 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng hồng, số Imel: 355836080606237, dung lượng 32GB là 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

Biên bản xác minh ngày 10/3/2018 tại Ngân hàng AGRIBANK chi nhánh tỉnh Bình Dương xác định 01 tờ tiền dolla Australia mệnh giá 100 dollar, số sêri BJ99115982, tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội có giá trị là 1.761.300 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm đồng) tờ tiền trên là tiền thật.

Qúa trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng hồng, số Imel: 355836080606237; 01 tờ tiền Australia mệnh giá 100 dolla, số sêri BJ99115982 và số tiền 32.100.000 đồng Việt Nam (Ba mươi hai triệu một trăm nghìn đồng) .

- 01 xe mô tô biển số 61P1-2566

Tại bản cáo trạng số 18/QĐ-KSĐT ngày 06/4/2018 truy tố bị cáo Đặng Thị Y về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, không tranh luận bổ sung gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị Y từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng; áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc A, khi giúp bà Y tắt nguồn điện thoại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng hồng, số Imel: 355836080606237, A không biết tài sản này là do bị cáo Y trộm cắp mà có nên hành vi của A không cấu thành tội phạm nên Viện kiểm sát không đặt ra vấn đề xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng và tại phiên toà các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội như sau: Bị cáo Đặng Thị Y đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 45.061.300 đồng của bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn Đ biết tài sản do Y trộm cắp mà có nhưng đã giúp Y cất giấu nhằm mục đích chiếm đoạt để tiêu xài. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện chiếm đoạt của bị hại tài sản trị giá 45.061.300 đồng. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang trong đời sống cộng đồng dân cư, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, hành vi của bị cáo Đặng Thị Y đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã cấu thành tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo đã truy tố.

Hội đồng xét xử cần phân tích vai trò của từng bị cáo để thấy được tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm áp dụng một mức hình phạt tương xứng. Các bị cáo không có sự bàn bạc trước, đều là người thực hành, bị cáo Y lén lút thực hiện chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo Đ biết việc bị cáo Y trộm cắp tài sản của người khác nhưng giúp bị cáo Y cất giấu nhằm mục đích chiếm đoạt để tiêu xài.

Hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Đặng Thị Y có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án tiền sự, ở giai đoạn điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo đã trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng hình phạt đối với bị cáo Y.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án tiền sự, ở giai đoạn điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo đã trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại. Bị cáo có cha là liệt sĩ, được Công an tỉnh Bình Dương tặng Giấy khen. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng hình phạt đối với bị cáo Đ.

Xét thấy, bị cáo Y không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bản thân đang bị bệnh. Ngoài ra bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo, khuyến khích bị cáo tự tu dưỡng và lao động tại cộng đồng với sự giúp đỡ của gia đình và của xã hội.

Đối với bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra là phạt tù có điều kiện là cao, tuy nhiên HĐXX thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội không lớn, bị cáo đang có nơi làm việc ổn định, có nơi thường trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội mà cần xử phạt bị cáo hình thức cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về phần luận tội và đề nghị mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát về hành vi, tính chất, tình tiết của vụ án đối với bị cáo Y là phù hợp, có căn cứ. Đề nghị mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Đ hình phạt hơi cao nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ.

[6] Xét ý kiến tranh luận của các bị cáo, lời nói sau cùng của các bị cáo: Ý kiến, lời nói sau cùng của các bị cáo về tội danh, về hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về hình phạt, chấp nhận xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc A, khi giúp bà Y tắt nguồn điện thoại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng hồng, A không biết tài sản này là do bị cáo Y trộm cắp mà có nên hành vi của A không cấu thành tội phạm. Viện kiểm sát không đặt ra vấn đề xem xét nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về vật chứng của vụ án: Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng hồng, số Imel: 355836080606237; 01 tờ tiền Australia mệnh giá 100 dolla, số sêri BJ99115982 và số tiền 32.100.000 đồng Việt Nam (Ba mươi hai triệu một trăm nghìn đồng). Đây là tài sản của bị hại Cao Thị Hồng G, ngày 13/02/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho chị G, chị G đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đề cập đến;

- Đối với xe mô tô biển số 61P1-2566, đây là xe mô tô do anh Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu. Ngày 10/01/2018, bị cáo Đ mượn xe của anh L để chở bị cáo Y đi chăm sóc sức khoẻ, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xem xét nên HĐXX không đề cập đến.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Y phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Y 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 30/5/2018.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Đặng Thị Y, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiên